

Số: 327 /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT
thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện
Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 327 /QĐ-BNN-KH
Ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kế hoạch xác định các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của Bộ Nông nghiệp và PTNT từ nay đến năm 2020 nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đã được phê duyệt có nội dung phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 24-NQ/TW và xây dựng, triển khai thực hiện một số kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mới giai đoạn đến năm 2020.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ chung

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Đẩy mạnh đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các-bon thấp;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

c) Lồng ghép mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/ lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

d) Hoàn thiện, đổi mới chính sách, pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản; xây dựng dự án Luật Thủy lợi và rà soát các văn bản pháp luật liên quan;

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy sử dụng công nghệ, thiết bị tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, sử dụng vật liệu mới, tái chế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

e) Thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Nhiệm vụ trọng tâm về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Triển khai xây dựng hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần cho vùng có nguy cơ cao; xây dựng hệ thống thông tin giám sát hồ chứa phục vụ công tác cảnh báo phòng chống lụt bão;

- Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, trước hết cho sông Hồng, sông Cửu Long, sông Cầu, sông Nhuệ-sông Đáy, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các sông lớn khác;

- Nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, nhất là ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên, Trung du miền núi phía Bắc; nâng cấp, củng cố hệ thống đê biển, đê sông ở các địa bàn xung yếu nhằm chủ động phòng, chống lụt bão, nước biển dâng, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Đầu tư hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển; các khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá kết hợp với cảng cá bến cá, hình thành những trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá đồng bộ, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá, hạn chế thấp nhất thiệt hại do bão gây ra;

- Chuyển đổi cơ cấu và giống cây trồng, vật nuôi; điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn.

b) Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng:

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi, quy hoạch nông nghiệp, nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng; quy hoạch phòng chống ngập cho các thành phố lớn; quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển ứng phó với biến đổi khí hậu và kết hợp với giao thông;

- Đầu tư các công trình kiểm soát lũ, ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực miền Trung và vùng Đồng bằng sông Hồng theo quy hoạch tổng thể thủy lợi các vùng trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Triển khai thực hiện các dự án chống ngập cho các thành phố chịu ảnh hưởng của nước biển dâng và biến đổi khí hậu như Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau, các thành phố ven biển khác;

- Rà soát, sắp xếp bố trí lại dân cư vùng thường xuyên bị thiên tai, chủ động di dời dân cư ra khỏi các khu vực nguy hiểm.

c) Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái:

- Thực hiện Chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua các hoạt động chống mất rừng, suy thoái rừng, phát triển ngành lâm nghiệp;

- Thực hiện một số giải pháp thân thiện với khí hậu trong sản xuất nông nghiệp như thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, sử dụng nước, phân bón, thức ăn chăn nuôi phù hợp, quản lý và xử lý chất thải trong chăn nuôi, phát triển và sử dụng khí sinh học.

3. Nhiệm vụ trọng tâm về quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với tài nguyên đất:

- Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững diện tích đất nông nghiệp; duy trì và sử dụng linh hoạt 3,8 triệu ha đất trồng lúa nhằm bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất nông nghiệp;

- Bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, thoái hóa đất canh tác nông nghiệp.

b) Đối với tài nguyên nước:

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông, các hệ thống thủy nông nhằm khai thác, sử dụng tổng hợp, bền vững nguồn tài nguyên nước.

- Quản lý, vận hành các công trình thủy lợi sử dụng nước tiết kiệm và phối hợp với Bộ Công thương vận hành hợp lý các hồ chứa thủy điện nhằm hạn chế tác động xấu do xả lũ và tăng khả năng cấp nước cho sản xuất.

- Tham gia hợp tác quốc tế trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nguồn nước liên quốc gia.

c) Đối với tài nguyên biển, thủy sản:

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị, biến động nguồn lợi thủy, hải sản;

- Kiểm chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn tình trạng đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt, không theo mùa vụ, kích cỡ.

d) Đối với tài nguyên rừng:

- Thực hiện tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng toàn quốc;

- Tiếp tục thực thi các chính sách tăng cường bảo vệ diện tích rừng hiện có; thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.

4. Nhiệm vụ trọng tâm về bảo vệ môi trường

a) Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường, bảo đảm các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển ngành nông nghiệp và PTNT đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Tăng cường năng lực quan trắc, giám sát môi trường trong nông nghiệp, nhất là nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi và các hệ thống thủy lợi;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thuộc lĩnh vực ngành quản lý; thực hiện các biện pháp kiểm soát môi trường nông thôn, làng nghề.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân:

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Điều tra, đánh giá, khoanh vùng và từng bước cải tạo, phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm nặng thuốc bảo vệ thực vật.

c) Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Quản lý, sử dụng rừng bền vững, tiến tới dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên;

- Đẩy mạnh bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, nhất là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng;

- Thực hiện tốt chính sách dịch vụ môi trường rừng;
- Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển, khu bảo tồn nước nội địa; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới; bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học theo quy định của Luật đa dạng sinh học và các luật liên quan; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế;
- Tăng cường các biện pháp bảo vệ các loài hoang dã, nhất là loài các quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, loài thân thiện với con người;
- Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch hành động này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan triển khai chi tiết, bảo đảm thực hiện kịp thời và hiệu quả những nội dung của Kế hoạch hành động (*Bảng phân công thực hiện kèm theo*).

2. Định kỳ hàng năm các đơn vị tiến hành rà soát báo cáo Bộ kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện.

3. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình, định kỳ tổng hợp, tham mưu cho Bộ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng để xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**Phụ lục:****PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-CP
NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ.***(Kèm theo Quyết định số 327 /QĐ-BNN-KH ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian phê duyệt | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|---|
| I | Thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt, đang thực hiện | | | | | |
| <i>I.1</i> | <i>Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu</i> | | | | | |
| 1 | Chương trình MTQG về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2015 | Vụ Khoa học CN&MT | Các Tổng cục, Cục chuyên ngành | | 2012-2015 | Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 |
| 2 | Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2012-2020 | Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 |
| 3 | Quy hoạch thủy lợi khu vực miền Trung giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2012-2020 | Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 24/10/2012 |
| 4 | Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2012-2020 | Quyết định số 1544/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 |

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian phê duyệt | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|---|-------------------|--|---------------------|---------------------|--|
| 5 | Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển hiện có tại các tỉnh có đê từ Quảng Ninh đến Quảng Nam và Quảng Ngãi đến Kiên Giang | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | Đến 2020 | Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 và 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009 |
| 6 | Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020 | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2009-2020 | Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 |
| 7 | Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh | Cục QLXDCT | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2009-2020 | Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 |
| 8 | Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Long... | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2014-2020 | |
| 9 | Đề án xây dựng hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần cho vùng có nguy cơ cao | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2013-2016 | Quyết định số 430/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 |
| 10 | Quy hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | Tổng cục Thủy sản | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2011-2020 | Quyết định số 1349/QĐ-TTg ngày 09/8/2011 |
| 11 | Quy hoạch nông nghiệp-nông thôn các vùng sinh thái (Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Bắc, Nam Trung bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Trung du miền núi phía Bắc) trong điều kiện biến đổi khí hậu | Vụ Kế hoạch | Các Tổng cục/Cục chuyên ngành; Bộ, ngành, địa phương liên quan | | Đến năm 2020 | |

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian phê duyệt | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|--|
| 12 | Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020 | Cục Kinh tế hợp tác và PTNT | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2013-2020 | Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 |
| 13 | Chương trình hành động quốc gia về: “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng” | Tổng cục Lâm nghiệp | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2013-2020 | Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 27/6/2012 |
| 14 | Đề án giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020 | Vụ Khoa học CN&MT | Các Tổng cục, Cục chuyên ngành | | 2012-2020 | Quyết định số 3119/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/12/2011 |
| I.2 | Nhiệm vụ về quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên | | | | | |
| 15 | Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020 | Tổng cục Lâm nghiệp | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | Đến 2020 | Quyết định số 204/2006/QĐ-TTg ngày 02/9/2006 |
| 16 | Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 | Tổng cục Lâm nghiệp | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2011-2020 | Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 |
| 17 | Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Tổng cục Thủy sản | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2013-2020 | Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 |

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian phê duyệt | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|--|
| 18 | Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 | Tổng cục Thủy sản | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2012-2020 | Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 |
| I.3 | Nhiệm vụ về bảo vệ môi trường | | | | | |
| 19 | Chương trình MTQG về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015 | Vụ Khoa học, CN&MT | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2012-2015 | Phối hợp với Bộ Tài nguyên và MT theo QĐ 1206/QĐ-TTg 02/9/2012 |
| 20 | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 | Cục Kinh tế hợp tác và PTNT | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2010-2020 | Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 |
| 21 | Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015 | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành, địa phương liên quan | | 2012-2015 | Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 |
| II | Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án xây dựng mới | | | | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành | Tổng cục Thủy sản | Bộ, ngành liên quan | 2016 | | |
| 2 | Dự án Luật Thủy lợi | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành liên quan | 2016 | | |
| 3 | Đề án nâng cấp, bảo đảm an toàn hồ chứa nước; nâng cao năng lực kiểm soát lũ và giảm nhẹ thiên tai trên các dòng sông lớn | Tổng cục Thủy lợi | Bộ, ngành liên quan | 2014 | | |

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian phê duyệt | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------|--|----------------------------|----------------------------|--|
| 4 | Đề án tập trung ruộng đất quốc gia, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp | Cục Trồng trọt | Các Tổng cục, Cục/Vụ; các Bộ, ngành | 2014 | | Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 |
| 5 | Đề án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái | Tổng cục Thủy sản | Tổng cục Lâm nghiệp; Bộ, ngành, địa phương liên quan | 2015 | | Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 |
| 6 | Đề án bảo vệ, phục hồi và trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển | Tổng cục Lâm nghiệp | Bộ, ngành liên quan | 2014 | | |
| 7 | Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên | Tổng cục Lâm nghiệp | Bộ, ngành liên quan | 2014 | | Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 |
| 8 | Chương trình kiểm soát buôn bán, tiêu thụ các loài nguy cấp | Tổng cục Lâm nghiệp | Bộ, ngành liên quan | 2014 | | Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 |